

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 46/2023/DS-GĐT

Ngày 16/11/2023

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia xét xử gồm:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào và ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”; giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Lương Thị L**, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Ông **Lê Trùng D**, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

3.2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Lương Thị L trình bày:

Cha bà Lương Thị L là cụ Lương B (liệt sĩ), mẹ bà Lương Thị L là cụ Nguyễn Thị L1 (chết năm 2016). Sau khi cụ L2 Bận hy sinh, cụ Nguyễn Thị L1 chung sống với ông Lê K (đã chết) sinh được 02 người con là ông Lê Trùng D, bà Lê Thị X. Năm 2009, cụ Nguyễn Thị L1 khởi kiện ông Lê Trùng D, bà Nguyễn Thị P tranh chấp nhà đất mà cụ Nguyễn Thị L1 tạo lập. Căn cứ Quyết định số 70/2009/QĐST-DS ngày 10/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa (nay là thị xã Đ) về việc

“Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự” thì cụ Nguyễn Thị L1 được quyền sử dụng phần diện tích đất 275m² (trong đó 170m² đất ở (ONT) và 105m² đất cây lâu năm (CLN) thuộc một phần thửa 181, tờ bản đồ 69-C, tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00276 ngày 31/12/2007 do ông Lê Trùng D, bà Nguyễn Thị P đứng tên; trên đất có nhà cấp 4 diện tích 37,26m², có giới cận: phía Bắc giáp đường đi liên thôn dài 9,7m, phía Nam giáp đất vợ chồng ông D dài 9,3m, phía Tây giáp nhà đất ông Lê Trung P1 dài 25,6m, phía Đông giáp nhà đất ông Dương C dài 18,8m, kéo về hướng Tây cạnh dài 3,1m, kéo về hướng Nam cạnh dài 7,2m. Cụ Nguyễn Thị L1 không còn tài sản nào khác. Sau khi cụ Nguyễn Thị L1 chết, ông Lê Trùng D đã tự ý tháo dỡ nhà cấp 4 và xây lán qua phần đất này. Khi cụ Nguyễn Thị L1 mất thì ông Lê Trùng D đứng ra tổ chức mai táng, tiền mai táng do Nhà nước cấp vì cụ L1 là vợ liệt sĩ. Khi cụ L1 còn sống thì cụ sống với bà Lương Thị L từ năm 1965 đến năm 2015, chỉ về nhà sống với ông Lê Trùng D từ năm 2015 đến 2016 thì cụ L1 mất. Cụ Nguyễn Thị L1 chết không để lại di chúc. Do đó, bà Lương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1 để lại là nhà cấp 4 gắn liền với phần diện tích đất 275m² theo Quyết định số 70/2009/QĐST-DS ngày 10/11/2009 nêu trên. Bà Lương Thị L không yêu cầu Tòa án tính công sức chăm sóc mẹ.

2. Bị đơn ông Lê Trùng D trình bày: Mẹ ông (cụ Nguyễn Thị L1) có hai đời chồng, đời thứ nhất cụ Lương B (liệt sĩ) có con chung là bà Lương Thị L. Ông và bà Lê Thị X là con đời chồng sau, cha ông là cụ Lê K (chết). Việc Tòa án thụ lý hồ sơ tranh chấp di sản thừa kế của mẹ ông (cụ Nguyễn Thị L1) nhưng cụ L1 không có tài sản riêng nào đối với thửa đất mà nguyên đơn bà Lương Thị L đang tranh chấp. Vì từ năm 1990 đến nay, ông đã sử dụng và đóng thuế đất nhà ở trên phần đất đang tranh chấp được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00276 ngày 31/12/2007 do ông Lê Trùng D, bà Nguyễn Thị P đứng tên. Trước khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông D, bà P xin ý kiến của cụ Nguyễn Thị L1 và được cụ L1 đồng ý cho ông D, bà P làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 181, tờ bản đồ 69-C. Đến tháng 11/2009, cụ L1 khởi kiện ông D yêu cầu tách thửa phần diện tích 275m² đất của cụ L1 ra riêng. Vì muốn cụ L1 sống vui vẻ trong quãng đời còn lại nên ông D đã đồng ý và Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Đông Hòa ra Quyết định số 70/2009/QĐST-DS ngày 10/11/2009 về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Kể từ khi có Quyết định số 70/2009/QĐST-DS ngày 10/11/2009 cho đến khi cụ L1 (chết ngày 19/12/2016) là trên 7 năm, cụ Nguyễn Thị L1 vẫn không yêu cầu thi hành án Quyết định số 70/2009/QĐST-DS ngày 10/11/2009 và không tách thửa phần diện tích 275m² đất đã thỏa thuận, vì cụ L1 đã tặng cho toàn bộ phần diện tích 275m² đất cho cháu nội là các con của ông D (tặng cho bằng miệng) nên cụ L1 giao phần diện tích 275m² đất và nhà cho gia đình ông D sử dụng. Căn cứ Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, tính đến thời điểm năm

2015 đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án, xem như cụ Nguyễn Thị L1 từ bỏ quyền yêu cầu thi hành án của mình, không nhận tài sản nên quyền sử dụng phần diện tích 275m² đất tại Quyết định số 70/2009/QĐST-DS ngày 10/11/2009, thuộc một phần thửa 181, tờ bản đồ 69-C của cụ Nguyễn Thị L1 vẫn thuộc quyền sử dụng của ông D, bà P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00276 cấp ngày 31/12/2007 nên bà Lương Thị L không có quyền đòi phân chia tài sản của cụ Nguyễn Thị L1 theo Quyết định số 70. Đồng thời, ông D yêu cầu huỷ Quyết định số 70/2009/QĐST-DS ngày 10/11/2009 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hoà. Ngoài ra, ông Lê Trùng D không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị P (vợ ông Lê Trùng D) trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Lê Trùng D.

3.2. Bà Lê Thị X trình bày: Bà Xin thống nhất về diện hàng thừa kế như ông Lê Trùng D đã trình bày. Bà X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L, vì lý do bà Lương Thị L không có trách nhiệm chăm lo, nuôi dưỡng mẹ (cụ Nguyễn Thị L1), thậm chí đến ngày cụ Nguyễn Thị L1 chết, bà Lương Thị L cũng không có trách nhiệm trong việc mai táng, thờ cúng cụ L1. Nếu bà Lương Thị L yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1 thì bà L phải trả lại toàn bộ số tiền 20.000.000 đồng cụ L1 dành dụm mà bà L đã lấy để chia thừa kế. Bà X yêu cầu được chia hiện vật bằng tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 27-9-2022, Tòa án nhân dân thị xã Đông Hoà quyết định:

Căn cứ các Điều 160, 221, 649, 650, 651, 660 và 668 Bộ luật Dân sự; các Điều 92, 157, 165, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị L về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1.

1. Công nhận diện tích đất 275m² (trong đó gồm 170 m² đất ở và 105m² đất cây lâu năm) thuộc thửa 181, tờ bản đồ 69-C, tổng trị giá là 174.200.000 đồng tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00276 ngày 31-12-2007 do ông Lê Trùng D và bà Nguyễn Thị P đứng tên, theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 70/2009/QĐST-DS ngày 10-11-2009 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1.

2. Đối với ngôi nhà cấp 4 có diện tích 37,26m² gắn liền với đất theo Quyết định số 70/2009/QĐST-DS ngày 10-11-2009 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên của cụ Nguyễn Thị L1 không còn tồn tại, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Bà Lương Thị L, ông Lê Trùng D và bà Lê Thị X, mỗi người được chia một kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1, trị giá 58.066.667 đồng.

4. Giao chia cho bà Lương Thị L phần diện tích 145,8 m² (gồm 100 m² đất ở và 45,8 m² đất cây lâu năm), có giá trị 101.832.000 đồng, thuộc một phần thửa 181, tờ bản đồ 69-C, tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00276 ngày 31-12-2007 do ông Lê Trùng D, bà Nguyễn Thị P đứng tên, có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi liên thôn, phía Nam giáp đất vợ chồng ông Lê Trùng D, phía Tây giáp nhà đất ông Lê Trung P1, phía Đông giáp nhà đất ông Lê Trùng D (kèm theo bản vẽ).

5. Giao chia cho ông Lê Trùng D diện tích 129,2 m² (gồm 70 m² đất ở và 59,2 m² đất cây lâu năm), có giá trị 72.368.000 đồng trên phần diện tích đất 275 m² của cụ Nguyễn Thị L1 (trong đó bao gồm phần diện tích đất ông Dương t chiếm dụng xây dựng thêm phần mái hiên lợp ngói và trở cửa), thuộc một phần thửa đất số 181, tờ bản đồ 69-C, tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00276 ngày 31-12-2007 do ông Lê Trùng D và bà Nguyễn Thị P đứng tên (kèm theo bản vẽ).

6. Buộc ông Lê Trùng D, bà Nguyễn Thị P phải tháo dỡ, di dời các tài sản có trên đất được giao chia cho bà Lương Thị L theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 70/2009/QĐST-DS ngày 10-11-2009 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Đông Hòa gồm nhà tắm, hồ nước (bể chứa nước) và một số cây ăn trái, cây cảnh, hàng rào lưới B40.

7. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

8. Bà Lương Thị L phải có trách nhiệm thanh toán lại kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1 cho bà Lê Thị X với số tiền là 43.765.333 đồng.

9. Ông Lê Trùng D có trách nhiệm thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị X với số tiền là 14.301.333 đồng.

10. Bà Lương Thị L phải có trách nhiệm thanh toán lại giá trị chái hiên với số tiền 2.835.000 đồng cho ông Lê Trùng D và bà Nguyễn Thị P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27-10-2022, bị đơn ông Lê Trùng D kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 30-5-2023, ông D kháng cáo bổ sung và xin thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, cho bị đơn được nhận toàn bộ hiện vật là quyền sử dụng đất và trả lại giá trị chênh lệch cho các kỷ phần khác.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 54/2023/DS-PT ngày 15-6-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Trùng D.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hoà.

Căn cứ các Điều 92, 147, 148, 157, 165, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 160, 221, 649, 650, 651, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị L về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1.

1. Công nhận diện tích đất 275 m² (trong đó gồm 170 m² đất ở và 105m² đất cây lâu năm) thuộc một phần thửa 181, tờ bản đồ 69-C, tổng trị giá là 174.200.000 đồng tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00276 ngày 31-12-2007, do ông Lê Trùng D và bà Nguyễn Thị P đứng tên là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1.

2. Bà Lương Thị L, ông Lê Trùng D và bà Lê Thị X, mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1, trị giá 58.066.667 đồng.

3. Giao cho ông Lê Trùng D diện tích đất 275 m², trên đất đang tồn tại nhà tắm, hồ nước, sân lát gạch ba trảng 31,2 m², mái hiên, chái tạm đã trở cửa, công trình phụ (nhà vệ sinh), một số cây ăn trái, cây cảnh, hàng rào lưới B40 của vợ chồng ông D được tiếp tục sở hữu, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00276 ngày 31-12-2007, đứng tên ông Lê Trùng D và bà Nguyễn Thị P.

4. Buộc ông Lê Trùng D phải trả chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Lương Thị L 58.066.667 đồng; phải trả chênh lệch giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị X 58.066.667 đồng.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí phúc thẩm, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29-6-2023, nguyên đơn bà Lương Thị L có đơn đề nghị giám đốc thẩm, yêu cầu hủy bản án dân sự phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ngày 20-7-2023, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên có Văn bản số 204/TA-KTNV đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm, hủy bản án dân sự phúc thẩm và bản án dân sự sơ thẩm nêu trên để xét xử sơ thẩm lại.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/2023/KN-DS ngày 02/11/2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 54/2023/DS-PT ngày 15-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hoà, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Cụ Nguyễn Thị L1 và cụ Lương B (liệt sĩ) có 01 con chung là bà Lương Thị L. Sau đó, cụ L1 kết hôn với cụ Lê K (đã chết) và có 02 con chung là ông Lê Trùng D và bà Lê Thị X.

[1]. Nguồn gốc di sản thừa kế và quá trình giải quyết vụ án:

Cụ Nguyễn Thị L1 (chết năm 2016) không để lại di chúc. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 70/2009/QĐST-DS ngày 10-11-2009 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên thì cụ Nguyễn Thị L1 được quyền sử dụng phần diện tích đất 275m², trong đó 170m² đất (ONT) và 105m² đất (CLN) thuộc tờ bản đồ địa chính số 69-C, thửa đất số 181 và diện tích đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00276 ngày 31-12-2007...trên đất có nhà cấp 4 diện tích 37,26m² của cụ L1. Đây là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1 để lại.

Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm đều chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1. Theo đó, Toà án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho bà Lương Thị L và ông Lê Trùng D; đồng thời, buộc bà L và ông D có trách nhiệm trả giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho bà Lê Thị X. Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao toàn bộ di sản cho ông Lê Trùng D và ông D có trách nhiệm trả giá trị kỷ phần bằng tiền cho bà Lương Thị L và bà Lê Thị X.

[2]. Xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

[2.1]. Đối với Tòa án cấp sơ thẩm:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 70/2009/QĐST-DS ngày 10-11-2009 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Đông Hoà thì ngoài phần đất được công nhận cho cụ Nguyễn Thị L1 trên đất còn có nhà cấp 4 của cụ L1. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16-9-2020 thể hiện cụ Nguyễn Thị L1 đã trồng cây và xây dựng tài sản trên đất. Đây cũng là tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1 để lại. Thế nhưng, Toà án cấp sơ thẩm không định giá tài sản để tiến hành hoà giải và xem xét khi giải quyết vụ án. Phần đất được chia cho các đương sự thì trên đất gồm có tài sản nào phải nêu cụ thể để thi hành án được dễ dàng. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nói trên thì phần đất được công nhận cho cụ Nguyễn Thị L1 còn có nhà tắm, hồ nước, sân lát gạch ba trảng 31,2m² và một số cây ăn trái, cây cảnh, hàng rào lưới B40 của vợ chồng ông Lê Trùng D thì vợ chồng ông D đã tháo dỡ để trả lại mặt bằng cho cụ L1 hay còn những tài sản nào cần phải được xem xét giải quyết.

[2.2]. Đối với Tòa án cấp phúc thẩm:

Tại đơn khởi kiện và đơn trình bày ý kiến, bà Lương Thị L đều có nguyện vọng được nhận thừa kế bằng hiện vật để có nơi thờ cúng, vì bà là người con duy nhất của liệt sĩ Lương B; đồng thời, tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

số 70/2009/QĐST-DS ngày 10-11-2009, Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên cũng đã giao cho vợ chồng ông Lê Trùng D và bà Nguyễn Thị P phần diện tích đất 143 m². Do đó, việc Tòa án cấp phúc thẩm quyết định giao toàn bộ di sản thừa kế bằng hiện vật cho ông Lê Trùng D với nhận định bà Lương Thị L có nơi ở khác là không bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, không đáp ứng được nguyện vọng của người thờ cúng liệt sỹ vì diện tích đất thừa kế chia được bằng hiện vật

[3]. Như vậy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm đều có những sai sót như đã được phân tích nêu trên, cần hủy cả hai bản án và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/2003/KN-DS ngày 02/11/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/2003/KN-DS ngày 02/11/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 54/2023/DS-PT ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hoà, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;
- Tòa án nhân dân thị xã Đông Hoà;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hoà (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm